

Số: 71 /BC-ĐHTN

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
- Tên tiếng Anh: TAY NGUYEN UNIVERSITY

2. Địa chỉ trụ sở, điện thoại, địa chỉ thủ điện tử, cổng thông tin điện tử

- Địa chỉ: Số 567 Lê Duẩn, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Điện thoại: 02623.825.185
- Địa chỉ thư điện tử: dhtn@ttn.edu.vn
- Cổng thông tin điện tử: <https://www.ttn.edu.vn/>

3. Loại hình cơ sở đào tạo, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp

- Loại hình cơ sở đào tạo: CÔNG LẬP
- Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Đại học Tây Nguyên là trường đại học đào tạo đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm quốc gia trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông - lâm nghiệp, môi trường, kinh tế, tự nhiên và xã hội; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội.

- Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc.

- Mục tiêu:

+ Xây dựng đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao, cơ sở vật chất hiện đại, chương trình đào tạo tiên tiến;

+ Không ngừng hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động quản trị nhà trường;

+ Kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của thị trường;

+ Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Đại học Tây Nguyên (Trường ĐHTN) được thành lập theo Quyết định số 298/QĐ-CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, với nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao (trong nhiều lĩnh vực, bằng nhiều hình thức đào tạo), nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội khu vực Tây Nguyên nói riêng, cả nước nói chung.

Trường ĐHTN đóng chân trên địa bàn Tây Nguyên, đã đóng góp đáng kể vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh Tây Nguyên. Trường ĐHTN đã đào tạo cho các địa phương Tây Nguyên và cho đất nước hơn 25.000 các bác sỹ, cử nhân, kỹ sư các ngành y khoa, sư phạm, công nghệ thông tin, nông lâm nghiệp, kinh tế, giáo dục chính trị,...

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: NGUYỄN THANH TRÚC – HIỆU TRƯỞNG
- Địa chỉ nơi làm việc: Số 567 Lê Duẩn, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Số điện thoại: 0905467699
- Địa chỉ thư điện tử: nttruc@ttn.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập:

Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên.

b. Quyết định công nhận Hội đồng Trường, Chủ tịch Hội đồng Trường và danh sách thành viên Hội đồng Trường

- Quyết định công nhận Hội đồng Trường: Số 4788/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Tây Nguyên nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng Trường: Số 47898/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Tây Nguyên nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Danh sách thành viên Hội đồng Trường:

TT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Tĩnh	Trường ĐHTN	Chủ tịch HĐTr
2	Nguyễn Thanh Trúc	Trường ĐHTN	Thành viên
3	Phạm Trọng Lượng	Trường ĐHTN	Thành viên
4	Vũ Đức An	Sinh viên khoa Y Dược, Trường ĐHTN	Thành viên
5	Nguyễn Xuân An Việt	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thành viên
6	Nguyễn Văn Nam	Trường ĐHTN	Thành viên
7	Lê Đức Niêm	Trường ĐHTN	Thành viên
8	Lê Thế Phiệt	Trường ĐHTN	Thành viên
9	Nguyễn Anh Dũng	Trường ĐHTN	Thành viên
10	Trần Trung Dũng	Trường ĐHTN	Thành viên
11	Văn Tiến Dũng	Trường ĐHTN	Thành viên
12	Ngô Thị Hiếu	Trường ĐHTN	Thành viên
13	Nguyễn Phương Đại Nguyên	Trường ĐHTN	Thành viên
14	Trương Thị Hiền	Trường ĐHTN	Thư ký
15	Phạm Văn Thành	Trường ĐHTN	Thành viên
16	H'Yim Kđoh	UBND tỉnh Đắk Lắk	Thành viên

TT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
17	Phạm Đăng Khoa	Sở GD&ĐT Đắk Lắk	Thành viên
18	Vương Hồng Lĩnh	Agribank Đắk Lắk	Thành viên
19	Nguyễn Đại Phong	Bệnh viện Đa Khoa Vùng Tây Nguyên	Thành viên
20	Vương Hữu Nhi	Liên hiệp các Hội KH kỹ thuật tỉnh Đắk Lắk	Thành viên
21	Phạm Đông Thanh	Hội doanh nhân trẻ tỉnh Đắk Lắk	Thành viên

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng cơ sở giáo dục

- Quyết định công nhận Hiệu trưởng: Quyết định số 679/QĐ-ĐHTN ngày 08/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên nhiệm kỳ 2020-2025

- Quyết định công nhận Phó Hiệu trưởng:

Nghị quyết 68/NQ-HĐTr ngày 06/7/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Tây Nguyên về việc bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên theo nhiệm kỳ Hội đồng trường 2020 - 2025

Nghị quyết 72/NQ-HĐTr ngày 07/7/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Tây Nguyên về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên theo nhiệm kỳ Hội đồng trường 2020 - 2025

Nghị quyết 18/NQ-HĐTr ngày 16/5/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Tây Nguyên về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

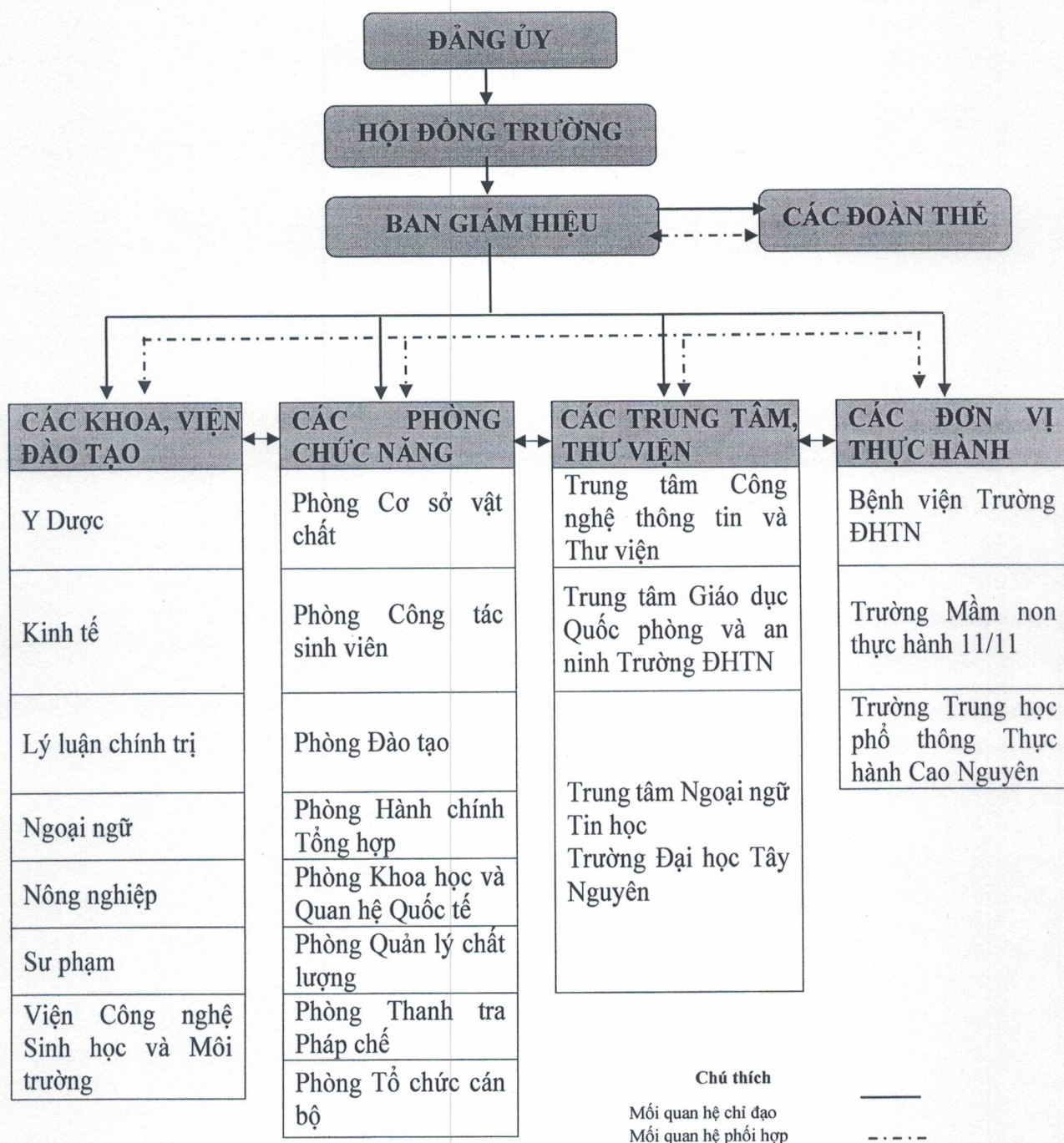
- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

+ Nghị quyết số 05/NQ-HĐTr ngày 24/01/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Tây Nguyên về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tây Nguyên.

+ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Bộ môn được ban hành kèm theo Quyết định số 202/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc: Ban hành kèm theo Quyết định số: 83/QĐ-ĐHTN ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của Trường Đại học Tây Nguyên



đ. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có)

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thị Tĩnh	CT Hội đồng Trường	0914461976	nttinh@ttn.edu.vn
2	Nguyễn Thanh Trúc	Hiệu trưởng	0905467699	nttruc@ttn.edu.vn
3	Nguyễn Văn Nam	Phó Hiệu trưởng	0766789268	nvnam@ttn.edu.vn
4	Lê Đức Niêm	Phó Hiệu trưởng	0964061111	ldniem@ttn.edu.vn
5	Lê Thế Phiệt	Phó Hiệu trưởng	0913484099	ltphiet@ttn.edu.vn
6	Nguyễn Văn Minh	Trưởng Khoa	0913484315	nvminh@ttn.edu.vn
7	Lê Đình Nam	Phó Trưởng Khoa	0914053097	ldnam@ttn.edu.vn
8	Trần Quang Hạnh	Phó Trưởng Khoa	0913421132	tqhanh@ttn.edu.vn
9	Lê Anh Dương	Phó Trưởng Khoa	0905159707	laduong@ttn.edu.vn
10	Nguyễn Văn Bồng	Trưởng Khoa	0905851851	nvbong@ttn.edu.vn
11	Phạm Hữu Khánh	Phó Trưởng Khoa	0905238905	phkhanh@ttn.edu.vn
12	Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng Khoa	0919356677	nthyen@ttn.edu.vn
13	Đỗ Thị Nga	Phó Trưởng Khoa	0914056482	dtnga@ttn.edu.vn
14	Nguyễn Minh Hải	Trưởng Khoa	0987504608	nmhai@ttn.edu.vn
15	Vũ Thị Việt Anh	Phó Trưởng Khoa	0917984411	vtvanh@ttn.edu.vn
16	Nguyễn Thị Kim Phụng	Phó Trưởng Khoa phụ trách	0914072766	ntkphuong@ttn.edu.vn
20	Phạm Trọng Lượng	Trưởng Phòng	0915855887	ptluong@ttn.edu.vn
21	Phạm Hùng Mạnh	Phó Trưởng khoa	0983213933	phmanh@ttn.edu.vn
22	Đinh Hữu Hùng	Trưởng Khoa	0905291295	dhhung@ttn.edu.vn
23	Thái Quang Hùng	Phó Trưởng Khoa		tqhung@ttn.edu.vn
24	Vũ Minh Chiến	Phó Trưởng phòng	0835139539	vmchien@ttn.edu.vn
25	Trương Thị Hiền	Trưởng Khoa	0905091558	tthien@ttn.edu.vn
26	Nguyễn Phương Đại Nguyên	Trưởng Phòng	0914032103	npdnguyen@ttn.edu.vn
27	Đặng Thị Thúy Kiều	Phó Trưởng phòng	0905482419	dttkieu@ttn.edu.vn

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
28	Ao Xuân Hoà	Phó Trưởng Phòng	0973829779	axhoa@ttn.edu.vn
30	Võ Xuân Hội	Trưởng phòng	0905841851	vxhoi@ttn.edu.vn
31	Nguyễn Thị Thanh Vân	Phó Trưởng phòng	0905338384	nttván@ttn.edu.vn
32	Nguyễn Thị Nhâm Tý	Phó Trưởng phòng	0945361467	ntnty@ttn.edu.vn
33	Võ Văn Thành	Phó Trưởng phòng	0903570417	vvthanh@ttn.edu.vn
34	Nguyễn Đình Sỹ	Trưởng phòng	0961367958	ndsy@ttn.edu.vn
35	Tổng Thị Lan Chi	Phó Trưởng phòng	0985404444	ttlchi@ttn.edu.vn
36	Phạm Văn Thành	Trưởng Phòng	0774646868	pvthanh@ttn.edu.vn
37	Phạm Quốc Duy	Phó phòng	0914130098	pqduy@ttn.edu.vn
38	Trần Thiên Khôi	Phó phòng	0906587000	ttkhoi@ttn.edu.vn
39	Nguyễn Trường Tam	Phó Trưởng phòng	0919667686	nttam@ttn.edu.vn
40	Ngô Thị Hiếu	Trưởng Phòng	0914116779	nthieu@ttn.edu.vn
41	Đinh Thị Kiều Loan	Phó Trưởng Phòng	0965523579	dtклоan@ttn.edu.vn
42	Huỳnh Văn Quốc	Trưởng Phòng	0913471392	hvquoc@ttn.edu.vn
43	Trần Thị Giang	Phó Trưởng phòng	0967063456	ttgiang@ttn.edu.vn
44	Trần Văn Cường	Phó Trưởng phòng	0336984747	tvcuong@ttn.edu.vn
45	Phạm Văn Thuận	GD Trung tâm	0985214421	pvthuan@ttn.edu.vn
46	Vũ Thị Giang	Phó GD tâm	0907699772	vtgiang@ttn.edu.vn
47	Bùi Ngọc Tân	Giám đốc Trung tâm	0971776777	bntan@ttn.edu.vn
48	Dương Công Thọ	Phó Giám đốc Trung tâm	0976423425	dctho@ttn.edu.vn

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
49	Buôn Krông Thị Tuyết Nhung	Phó Giám đốc Trung tâm	0905691169	btttnhung@ttn.edu.vn
50	Hồ Thị Phương	Phó Giám đốc Trung tâm	0934776669	htphuong@ttn.edu.vn
51	Hoàng Thị Xuân	Phó Giám đốc Trung tâm	0914087037	htxuan@ttn.edu.vn
52	Nguyễn Anh Dũng	Viện trưởng	0905426524	
53	Nguyễn Quang Vinh	Phó Viện trưởng	0948337164	nqvinh@ttn.edu.vn
54	Trần Thị Thùy Trang	Phụ trách trường Mầm non	0942381418	ttttrang@ttn.edu.vn
55	Nguyễn Phụng Trúc Giang	Phó HT trường Mầm non	0965523567	nptgiang@ttn.edu.vn
56	Nguyễn Hữu Duẩn	Hiệu trưởng Trường THPT THCN	0918370034	nhduan@ttn.edu.vn
57	Nguyễn Tiến Chương	Phó Hiệu trưởng Trường THPT THCN	0979800343	ntchuong@ttn.edu.vn
58	Bùi Quang Thành	Phó GD Trung tâm GDQPAN	0988409939	bqthanh@ttn.edu.vn
59	Phạm Huy Tựa	Phó GD Trung tâm GDQPAN	0905211278	phtua@ttn.edu.vn
60	Phương Minh Hải	Giám đốc Bệnh viện	0914021974	pmhai@ttn.edu.vn
61	Bùi Quang Chiến	Phó Giám đốc Bệnh viện	0978678992	bqchien@ttn.edu.vn
62	Trần Đào Minh Ngọc	Phó Giám đốc Bệnh viện	0988412346	tdmngoc@ttn.edu.vn

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Nghị quyết của hội đồng trường về chính sách thu hút: Nghị quyết số 45/NQ-HĐTr ngày 20/11/2024 của Hội đồng Trường Đại học Tây Nguyên về quy định thu hút nhân lực giảng dạy tại Trường Đại học Tây Nguyên giai đoạn 2024 – 2027

Nghị quyết của hội đồng trường về kế hoạch và thông báo tuyển dụng: Nghị quyết số 29/NQ-HĐTr ngày 16/5/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Tây Nguyên về phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức của Trường Đại học Tây Nguyên năm 2024 và Thông báo số 270/TB-ĐHTN ngày 21/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2024.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên	24,13	14
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	426	424
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	27	31,13

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ GV	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian						
1.1	Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường	07	0	04	03	0	0
1.2	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	120	05	73	39	03	0
1.3	Lĩnh vực Nhân văn	20	01	12	07	0	0
1.4	Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản	41	0	30	06	05	0
1.5	Lĩnh vực Khoa học sự sống	10	0	0	08	02	0
1.6	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi	14	0	08	06	0	0
1.7	Lĩnh vực Thú y	16	04	08	03	01	0
1.8	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	43	01	28	13	01	0
1.9	Lĩnh vực Sản xuất và chế biến	13	0	05	07	01	0
1.10	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	10	0	09	01	0	0
1.11	Lĩnh vực Sức khỏe	132	57	66	06	02	01
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động						
2.1	Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường	07	0	04	03	0	0
2.2	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	120	05	73	39	03	0
2.3	Lĩnh vực Nhân văn	20	01	12	07	0	0
2.4	Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản	41	0	30	06	05	0
2.5	Lĩnh vực Khoa học sự sống	10	0	0	08	02	0

TT	Đội ngũ GV	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
2.6	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi	14	0	08	06	0	0
2.7	Lĩnh vực Thú y	16	04	08	03	01	0
2.8	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	43	01	28	13	01	0
2.9	Lĩnh vực Sản xuất và chế biến	13	0	05	07	01	0
2.10	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	10	0	09	01	0	0
2.11	Lĩnh vực Sức khỏe	131	57	66	06	02	00

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm 2024	Năm 2023
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	28	19
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	147	169
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	41,08	43,34

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Diện tích đất/người học (m2)	37,93	37,93
2	Diện tích sàn/người học (m2)	4,36	4,36
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	82,8%	82,8%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	76	72
5	Số bản sách/người học	60	56
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến		
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	260mb/1000	260mb/1000

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	567 Lê Duẩn, P. Ea tam, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk	268.765	91.493
2	Cơ sở 2	84 Đặng Trần Côn, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	4.943	6.770
3	Cơ sở 3	Km 7 + 8 phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	123.184	0
Tổng cộng			396.892	98.263

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Sửa chữa, chống xuống cấp tại các giảng đường, nhà làm việc, hàng rào, nhà bảo vệ, nhà màng lưới	567 Lê Duẩn, P. Ea tam, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk	96

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
2	Sửa chữa phòng thí nghiệm vi sinh nhà học số 7; thay thế đường ống cấp thoát nước tại TTGDQPAN; sửa chữa sân thi đấu thể thao	567 Lê Duẩn, P. Ea tam, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk	97
3	Sửa chữa các phòng học tầng 1, 2 tại giảng đường 200 chỗ	567 Lê Duẩn, P. Ea tam, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk	92
4	Sửa chữa, chống xuống cấp các công trình	567 Lê Duẩn, P. Ea tam, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk	889,472
5	Làm đường lên xuống cho người khuyết tật tại các công trình	567 Lê Duẩn, P. Ea tam, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk	368,446
6	Chăm sóc hoa, cây cảnh, thảm cỏ trong khuôn viên Trường Đại học Tây Nguyên năm 2023	567 Lê Duẩn, P. Ea tam, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk	947,118
7	Sửa chữa các phòng học tầng 1 và bàn ghế của nhà học số 2	567 Lê Duẩn, P. Ea tam, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk	1.228,409
8	Bảo dưỡng 2 trạm biến áp T165, T166 và sửa chữa đường dây cấp điện	567 Lê Duẩn, P. Ea tam, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk	610,702
Tổng cộng			4.329,147

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định: Trung tâm KĐCLGD, Đại học Đà Nẵng
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET)
- Mức độ đạt kiểm định: Đạt
- Thời gian hiệu lực: 10/2020 – 10/2025

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tên CTĐT	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1.	7420201	Công nghệ Sinh học	Công nghệ Sinh học	Trung tâm KĐCLGD, Đại học Đà Nẵng	8/2022 – 8/2027
2.	7140202	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	Trung tâm KĐCLGD, Đại học Đà Nẵng	8/2022 – 8/2027
3.	7340101	Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh	Trung tâm KĐCLGD, Đại học Đà Nẵng	8/2022 – 8/2027
4.	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh	Trung tâm KĐCLGD Thăng Long	11/2023 – 11/2028
5.	7140209	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học	Trung tâm KĐCLGD Thăng Long	11/2023 – 11/2028
6.	7140211	Sư phạm Vật lý	Sư phạm Vật lý	Trung tâm KĐCLGD Thăng Long	11/2023 – 11/2028
7.	7140212	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học	Trung tâm KĐCLGD Thăng Long	11/2023 – 11/2028
8.	7140217	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Trung tâm KĐCLGD Thăng Long	11/2023 – 11/2028

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tên CTĐT	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
9.	7140205	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Chính trị	Trung tâm KĐCLGD Thăng Long	11/2023 – 11/2028
10.	7140206	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất	Trung tâm KĐCLGD Thăng Long	11/2023 – 11/2028
11.	7620205	Lâm sinh	Lâm sinh	Trung tâm KĐCLGD Thăng Long	11/2023 – 11/2028
12.	7640101	Thú y	Thú y	Trung tâm KĐCLGD Thăng Long	11/2023 – 11/2028
13.	7720101	Y khoa	Y khoa	Trung tâm KĐCLGD Thăng Long	11/2023 – 11/2028
14.	7720301	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Trung tâm KĐCLGD Thăng Long	11/2023 – 11/2028
15.	7310101	Kinh tế	Kinh tế	Tổ chức bảo đảm chất lượng của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA)	6/2024 – 6/2029
16.	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Tổ chức bảo đảm chất lượng của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA)	6/2024 – 6/2029

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	80.63%	76.70%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm		
3	Tỷ lệ thôi học	5.7%	6.95%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	3.84%	3.98%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	67.05	85.42
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	70.48%	71.7
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	78.8	77.4
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	99.7	100.0
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	82.7	90.8

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc
I	Đại học				
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo	2098	642	516	88.8
	- Chính quy	1893	628	378	
	- Vừa làm vừa học	205	14	138	
	- Đào tạo từ xa	0	0	0	
2	Khoa học xã hội và hành vi	575	216	74	87.1
	- Chính quy	575	216	74	
	- Vừa làm vừa học	0	0	0	

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc
	- Đào tạo từ xa	0	0	0	
3	Kinh doanh và quản lý	1413	439	246	87.7
	- Chính quy	1376	420	234	
	- Vừa làm vừa học	37	19	12	
	- Đào tạo từ xa	0	0	0	
4	Khoa học sự sống	79	58	7	75.0
	- Chính quy	79	58	7	
	- Vừa làm vừa học	0	0	0	
	- Đào tạo từ xa	0	0	0	
5	Máy tính và công nghệ thông tin	298	91	29	86.8
	- Chính quy	298	91	29	
	- Vừa làm vừa học	0	0	0	
	- Đào tạo từ xa	0	0	0	
6	Công nghệ kỹ thuật	0	0	2	
	- Chính quy	0	0	2	
	- Vừa làm vừa học	0	0	0	
	- Đào tạo từ xa	0	0	0	
7	Sản xuất và chế biến	95	49	10	80.0
	- Chính quy	95	49	10	
	- Vừa làm vừa học	0	0	0	
	- Đào tạo từ xa	0	0	0	
8	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	404	198	40	91.7
	- Chính quy	381	198	34	
	- Vừa làm vừa học	23	0	6	
	- Đào tạo từ xa	0	0	0	
9	Thú y	706	167	66	97.9
	- Chính quy	628	146	66	
	- Vừa làm vừa học	78	21	0	
	- Đào tạo từ xa	0		0	
10	Sức khỏe	1981	369	518	83.4
	- Chính quy	1781	343	518	
	- Vừa làm vừa học	200	26	0	
	- Đào tạo từ xa	0	0	0	
11	Nhân văn	866	258	149	94.9
	- Chính quy	804	258	119	
	- Vừa làm vừa học	62	0	30	
	- Đào tạo từ xa	0	0	0	
12	Môi trường và bảo vệ môi trường	163	58	12	80.0
	- Chính quy	131	52	11	
	- Vừa làm vừa học	32	6	1	

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc
	- Đào tạo từ xa	0	0	0	
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)				
1	Toán thống kê	25	16	12	
2	Thú y	5	11	0	
3	Khoa học sự sống	10	6	0	
4	Sức khỏe	19	14	13	
5	Kinh doanh và quản lý	51	18	31	
6	Khoa học tự nhiên	04	5	8	
7	Nhân văn	14	2	0	
8	Nông lâm nghiệp và thủy sản	17	5	6	
III	Tiến sĩ				
1	Khoa học sự sống	10	2	1	
2	Nông lâm thủy sản	14	4	1	

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	7%	
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0,6	0,59
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0,4	0,31

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	-
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	6	3.243.050.000
3	Đề tài cấp cơ sở	72	2.813.456.750
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	-
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	-
	Tổng số	78	

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm 2024	Năm 2023
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	162	227
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	152	116
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích TDTT đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	10	13
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	2	3

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	21,18%	24%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	12,62%	6,51%

2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024 (Tr.đồng)	Năm 2023 (Tr.đồng)
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	213.966	137.683
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	38.025	39.165
II	Thu giáo dục và đào tạo	161.966	84.795
1	Học phí, lệ phí từ người học	160.271	82.737
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	1.695	2.058
III	Thu khoa học và công nghệ	9.427	7.708
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	2.368	2.151
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	7.059	5.557
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	4.548	6.015
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	154.553	125.570
I	Chi lương, thu nhập	91.867	69.824
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	80.012	60.681
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	11.855	9.143
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	49.095	46.621
1	Chi cho đào tạo	23.429	23.501
2	Chi cho nghiên cứu	13.680	11.393
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	11.986	11.727
III	Chi hỗ trợ người học	10.427	9.085
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	9.256	8.314
2	Chi hoạt động nghiên cứu	1.023	654
3	Chi hoạt động khác	148	117
IV	Chi khác	3.164	40
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	59.413	12.113



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Trúc